TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 4 - 2021
Về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Hồng Nhân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu
2. Ông Huỳnh Ngọc Song

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Khởi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường– Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc:*"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1998 (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TL, xã HM, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Anh Lâm Văn G, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TL, xã HM, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2021, đơn xin giải quyết vắng mặt và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình

bày: Vào năm 2016, chị và anh Lâm Văn G có tìm hiểu quen biết và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Quá trình sống chung có 01 người con chung tên Lâm Nguyễn Gia D, sinh ngày 26/02/2019. Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: Không có.

Sau khi kết hôn 02 vợ chồng sống nhà anh G tại ấp Ấp TL, xã HM, huyện CT, tỉnh Trà Vinh. Thời gian sống chung xảy ra nhiều chuyện trong gia đình do chị và mẹ chồng mâu thuẫn, anh G không tìm hiểu nguyên nhân như thế nào mà lại dùng những lời lẽ xúc phạm chị và còn đánh chị gây thương tích. Chị sống bên nhà chồng được 05 tháng thì về bên nhà mẹ ruột sống. Đến tháng 01/2018 chị quay lại bên gia đình anh G xây dựng nhà ở riêng nhưng anh G thường xuyên bỏ nhà đi uống rượu bia. Từ đó, hai vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, mỗi lần cự cãi anh G đuổi chị ra khỏi nhà. Từ tháng 12/2020 chị và anh G đã ly thân cho đến nay.

Nay chị không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với anh G được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lâm Văn G.

Về con chung: Chị yêu cầu nuôi dưỡng 01 người con chung tên Lâm Nguyễn Gia D, sinh ngày 26/02/2019, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị Nguyễn Thị L có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh Lâm Văn G vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh G theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện theo các quy định tại các Điều 48, 68, 70, 71, 72, 97, 177, 196, 203, 205, 208, 209, 210, 211, 220, 239, 240, 243, 247, 249, 250 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nội dung vụ án: Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 56, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Cho chị L được ly hôn với anh G, giao con chung tên Lâm Nguyễn Gia D, sinh ngày 26/02/2019 cho chị L nuôi dưỡng, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét. Chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*", bị đơn anh Lâm Văn G có nơi cư trú tại Ấp TL, xã HM, huyện CT, tỉnh Trà Vinh, căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Xét thấy, chị Nguyễn Thị L và anh Lâm Văn G tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[3] Về hôn nhân: Quá trình chung sống với nhau giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lâm Văn G phát sinh mâu thuẩn do mâu thuẩn giữa mẹ chồng và nàng dâu, anh G không tìm hiểu nguyên nhân mà lại dùng những lời lẻ xúc phạm chị nên chị chỉ sống bên nhà anh G được 05 tháng. Đến tháng 01/2018 khi chị L quay lại sống với anh G, anh G không quan tâm chăm sóc gia đình mà thường xuyên bỏ nhà đi uống rượu bia cùng bạn bè. Từ đó hai vợ chồng luôn cự cãi với nhau, không thể tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 12/2020 hai vợ chồng đã ly thân cho đến nay. Nay chị L không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh G do không còn tìm cảm với anh G, do đó chị L yêu cầu được ly hôn với anh G.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Lâm Văn G để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa nhưng anh G không có văn bản và cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Điều này chứng minh anh G không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ gia đình với chị L.

Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng của chị Nguyễn Thị L và anh Lâm Văn G không còn yêu thương nhau, mâu thuẩn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cho chị Nguyễn Thị L và anh Lâm Văn G ly hôn là có cơ sở.

[4] Con chung: 01 người con chung tên Lâm Nguyễn Gia D, sinh ngày 26/02/2019 chưa đủ 36 tháng tuổi và từ trước đến nay sinh sống chung với chị Nguyễn Thị L. Do đó cần tiếp tục giao cháu Lâm Nguyễn Gia D cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần.

Cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị L không có yêu cầu anh Lâm Văn G cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L xác định có tài sản chung nhưng chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Chị Nguyễn Thị L khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí: Chị Nguyễn Thị L chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị L. Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Lâm Văn G.

Con chung: Giao 01 người con chung Lâm Nguyễn Gia D, sinh ngày 26/02/2019 cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Lâm Văn G cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh Lâm Văn G có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Nợ chung: Chị Nguyễn Thị L xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị Hằng đã nộp theo biên lai số 0004671 ngày 17/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, chị Nguyễn Thị L không phải nộp thêm.

Anh Lâm Văn G không phải chịu án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Minh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Sơn Thị Hồng Nhân